TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2018/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 05 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Vừ Mí D, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Mông.

- Bị đơn: Chị Giàng Thị S, sinh năm 1986; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Mông.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, Xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a và điểm d khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vừ Mí D và chị Giàng Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vừ Mí D và chị Giàng Thị S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Chị Giàng Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: Vừ Thị Nhân D, sinh ngày 30/12/2004; Vừ Hảo T, sinh ngày 19/5/2010. Anh Vừ Mí D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Vừ Hảo T 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2018 cho tới khi con đủ 18 tuổi; Chị Giàng Thị S là người nhận tiền cấp dưỡng. Anh Vừ Mí D có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Vừ Mí D và chị Giàng Thị S, cụ thể như sau: Giao cho chị Giàng Thị S trực tiếp quản lý và sử dụng 01 ngôi nhà xây cấp bốn gắn liền với đất, mái lợp tôn, có 01 phòng khách, 04 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh, nhà tắm. Tổng diện tích nhà 95m^2, xây trên thửa đất số: 126, tờ bản đồ số: 9, địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Tổng diện tích đất: 260,8m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BU 013914, cấp ngày 10/12/2014, mang tên ông Vừ Mí D và Bà Giàng Thị S, địa chỉ thường trú: Thôn Đ, Xã C, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Tổng trị giá nhà và đất là 400.000.000^đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Về công nợ chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Vừ Mí D và chị Giàng Thị S, cụ thể như sau: Anh Vừ Mí D có trách nhiệm trả số tiền anh Dia vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q, tỉnh Hà Giang là 91.691.000^đ (Chín mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn đồng) và tiền lãi hàng tháng. Chị Giàng Thị S có trách nhiệm trả số tiền chị Say đứng tên vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Hà Giang là 143.000.000^đ (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng) và tiền lãi hàng tháng.

- Về án phí: Anh Vừ Mí D tự nguyện chịu án phí dân sự ly hôn là 150.000^đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000^đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng anh Dia phải chịu 300.000^đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) anh Dia đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số: BB/2013/05007 ngày 13 tháng 9 năm 2018. Chị Giàng Thị S không phải chịu án phí sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H.Q;
- Các đương sự (Để thi hành);
- CC.THADS H.Q (Để thi hành);
- UBND Xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận